

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC
MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 214/QTĐ-BV

Đại Lộc, ngày 07 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng vật tư y tế chỉ phẫu thuật sử dụng tại
bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư y tế chỉ phẫu thuật sử dụng tại Bệnh viện, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

4. Thời hạn nhận báo giá:

- 10 ngày kể từ ngày đăng tải thành công lên cổng thông tin của bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa : Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm

bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này, các công ty có thể tham gia chào giá 1 hay nhiều mặt hàng trong danh mục.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế báo giá (Bản giấy gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
+ 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật...

+ 01 đĩa CD hay USB chứa file mềm báo giá của công ty.

6. Yêu cầu khác:

Các tài liệu liên quan đến báo giá được gửi đến Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

Địa chỉ 107 Quang Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, Quảng Nam.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ :

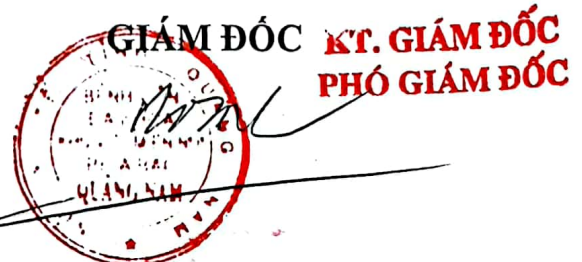
- DS. Lê Tấn Phát - Khoa Dược Bệnh viện
- Số điện thoại: 0377750745
- **Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:**

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng vật tư y tế chỉ phẫu thuật”

Rất mong nhận được sự quan tâm của các công ty.!

Nơi nhận:

- Các đơn vị cung cấp;
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Đình Hoàng

PHỤ LỤC 1
BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẬT HẰNG VẬT TƯ Y TẾ CHỈ PHẪU THUẬT SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN
Đính kèm Thông báo số 240/TB-BV ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic số 1	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật sợi Polyglycolic Acid tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 1. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	1200	Sợi
2	Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic số 3	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật sợi Polyglycolic Acid tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 3. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	700	Sợi
3	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 0. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	1200	Sợi
4	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 1/0. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	5800	Sợi
5	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 2/0. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	4800	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
6	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 3/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 3/0. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	4800	Sợi
7	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi số 4/0. - Tiêu chuẩn: FDA, CFS 	4800	Sợi
8	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	3200	Sợi
9	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	4600	Sợi
10	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	1800	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
11	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 10/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 10/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	399	Sợi
12	Chi tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 - Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. 	1440	Sợi
13	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	720	Sợi
14	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 7/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 7/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	720	Sợi
15	Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 2/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	720	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
16	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 1/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 1/0. - Tiêu chuẩn FDA. 	720	Sợi
17	Chỉ thép khâu xương bánh chè	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để khâu xương bánh chè 	150	Sợi



Kính gửi: Bệnh viện.....

Trên cơ sở thông báo số ... /BV..... ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện....., chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục vật tư y tế ⁽²⁾	Cấu hình - Thông số kỹ thuật ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	ĐVT ⁽⁷⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹¹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹²⁾ (VND)
1	..										
2	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹³⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại vật tư y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể thông số kỹ thuật của vật tư y tế tương ứng với chủng loại vật tư y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng vật tư y tế.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng vật tư y tế hoặc toàn bộ vật tư y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng vật tư y tế hoặc toàn bộ vật tư y tế. Đối với các vật tư y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của vật tư y tế.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng vật tư y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng vật tư y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

